# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO-HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC-VĂN BẰNG 2- KHÓA 2014
# NGÀNH TCNH CN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

| TT | HK | TT/ HK | MMH | TÊN MÔN HỌC | TC LT | TC TH | SỐ TIẾT | KHOA PHỤ TRÁCH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 1 | 1 | ECON1301 | KINH TẾ VI MÔ | 3 | | 45 | KINH TẾ & LUẬT |
| 2 | 1 | 2 | ACCO1301 | NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN | 3 | | 45 | KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN |
| 3 | 1 | 3 | ELAW1201 | LUẬT KINH DOANH | 2 | | 30 | KINH TẾ & LUẬT |
| 4 | 1 | 4 | FINA2403 | TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ | 4 | | 60 | TCNH |
| 5 | 2 | 1 | ECON1302 | KINH TẾ VĨ MÔ | 3 | | 45 | KINH TẾ & LUẬT |
| 6 | 2 | 2 | FINA2301 | THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN | 3 | | 45 | TCNH |
| 7 | 2 | 3 | FINA4316 | NGUYÊN LÝ VÀ TH BẢO HIỂM | 3 | | 45 | TCNH |
| 8 | 2 | 4 | MATH2304 | THỐNG KÊ ỨNG DỤNG | 3 | | 45 | KINH TẾ & LUẬT |
| 9 | 3 | 1 | ACCO2401 | KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1 | 4 | | 60 | KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN |
| 10 | 3 | 2 | FINA2401 | QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH 1 | 4 | | 60 | TCNH |
| 11 | 3 | 3 | FINA3404 | NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI (NV NHTM) | 4 | | 60 | TCNH |
| 12 | 4 | 1 | ACCO2402 | KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2 | 4 | | 60 | KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN |
| 13 | 4 | 2 | FINA3403 | QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH 2 | 4 | | 60 | TCNH |
| 14 | 4 | 3 | ACCO3303 | KIỂM TOÁN 1 | 3 | | 45 | KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN |
| 15 | 4 | 4 | ECON3303 | KINH TẾ LƯỢNG | 3 | | 45 | KINH TẾ & LUẬT |
| 16 | 4 | 5 | FINA2303 | THANH TOÁN QUỐC TẾ | 3 | | 45 | TCNH |
| 17 | 5 | 1 | ACCO4304 | KIỂM TOÁN 2 | 3 | | 45 | KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN |
| 18 | 5 | 2 | FINA2306 | THUẾ 1 | 3 | | 45 | TCNH |
| 19 | 5 | 3 | FINA4307 | KINH DOANH NGOẠI HỐI * | 3 | | 45 | TCNH |
| 20 | 5 | 4 | FINA2305 | TÀI CHÍNH QUỐC TẾ | 3 | | 45 | TCNH |
| 21 | 5 | 5 | FINA3302 | PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 3 | | 45 | TCNH |
| 22 | 6 | 1 | FINA4304 | PH.TÍCH & ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN | 3 | | 45 | TCNH |
| 23 | 6 | 2 | FINA4318 | QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH * | 3 | | 45 | TCNH |
| 24 | 6 | 3 | FINA4305 | T.TRƯỜNG TÀI CHÍNH PHÁI SINH | 3 | | 45 | TCNH |
| 25 | 6 | 4 | FINA4313 | TÀI CHÍNH CÁ NHÂN * | 3 | | 45 | TCNH |
| 26 | 6 | 5 | FINA4399 | THỰC TẬP TỐT NGHIỆP TCNH | | 3 | 8 | TCNH |
| **CÁC MÔN TỰ CHỌN THAY THẾ** | | | | | | | | |
| 1 | * thay * | | FINA4319 | CHỨNG KHOÁN NỢ * | 3 | | 45 | TCNH |
| 2 | * thay * | | FINA4312 | QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ * | 3 | | 45 | TCNH |
| 3 | * thay * | | FINA4322 | NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ * | 3 | | 45 | TCNH |

Ghi chú: môn học có dấu * trong danh mục môn học tự chọn có thể thay thế cho môn học có dấu * ở trên

* Thứ tự các môn học có thể thay đổi cho phù hợp với thời khóa biểu của mỗi lớp học.